TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2023/DS-ST
Ngày: 16-6-2023.
"V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Phát Triển;
Ông Nguyễn Chí Công.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp – Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.*

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2023/TLST-DS ngày 27/03/2023,"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 378/2023/QĐST-DS ngày 01/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Bé B - *Sinh năm*: 1991; *Địa chỉ*: 78/5, ấp TT, xã TP, huyện LV, tỉnh ĐT. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Nguyễn Văn T - *Sinh năm*: 1985; *Địa chỉ*: 14/5, ấp TQ, xã TP, huyện LV, tỉnh ĐT. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Bé B trình bày:

Do quen biết nên ngày 30/10/2019 Nguyễn Thị Bé B cho Nguyễn Văn T vay 12.000.000 đồng, có làm Giấy nhận nợ, mục đích vay để làm ăn, thời hạn trả là 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Quá thời hạn thỏa thuận trả nợ Nguyễn Thị Bé B đòi nhiều lần nhưng Nguyễn Văn T chưa trả.

Nguyễn Thị Bé B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lai Vung giải quyết buộc Nguyễn Văn T có nghĩa trả số tiền nợ vay là 12.000.000 đồng, tiền lãi không yêu cầu.

* Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Tòa án xử lý đơn khởi kiện chưa đúng quy định và bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị Bé B khởi kiện yêu cầu Nguyễn Văn T trả tiền vay còn nợ, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyễn Thị Bé B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Bé B tiền vốn vay còn nợ là 12.000.000 đồng, chứng cứ chứng minh là Giấy nhận nợ ngày 30/10/2019 có chữ ký tên, ghi tên Nguyễn Văn T.

Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Văn T nhận các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn Nguyễn Văn T biết Nguyễn Thị Bé B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn Văn T, trả số tiền còn nợ là 12.000.000 đồng nhưng Nguyễn Văn T không đến Tòa án cũng không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn điều đó thể hiện bị đơn Nguyễn Văn T tự từ bỏ quyền phản bác của mình. Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, chứng cứ có trong hồ sơ chứng minh Nguyễn Văn T có vay Nguyễn Thị Bé B 12.000.000 đồng đến nay chưa trả, lời trình bày, yêu cầu của Nguyễn Thị Bé B là có cơ sở. Từ những nhận định và phân

tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Bé B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị Bé B, buộc Nguyễn Văn T trả cho Nguyễn Thị Bé B số tiền còn nợ 12.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Đối với tiền lãi Nguyễn Thị Bé B không có yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Bé B về việc yêu cầu Nguyễn Văn T trả số tiền còn nợ.

2. Buộc Nguyễn Văn T trả cho Nguyễn Thị Bé B số tiền còn nợ vốn là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí, tạm ứng án phí:

3.1. Nguyễn Văn T phải nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả lại cho Nguyễn Thị Bé B 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015754, ngày 23/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/6/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Huyền